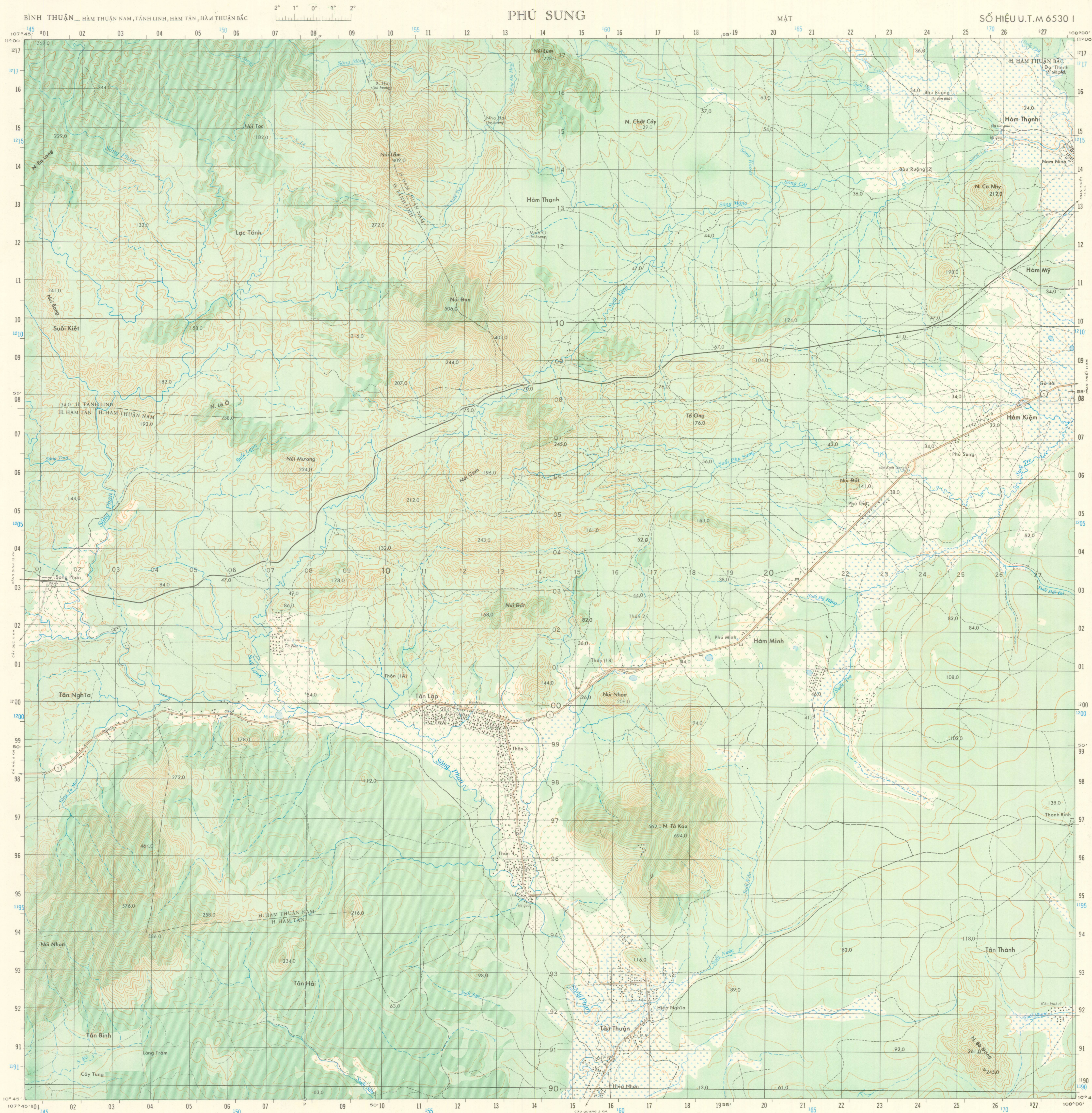
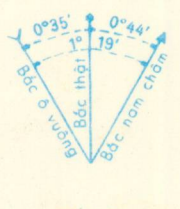




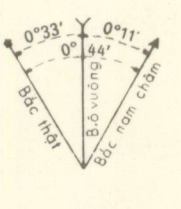
CỤC BẢN ĐỒ — BỘ TỔNG THAM MƯU — XÍ NGHIỆP BẢN ĐỒ II DÀ LẠT

Tài bản lần thứ ba, tại Đà Lạt năm 1993 theo tài liệu:
1 — 1:50.000 U.T.M. in năm 1992
2 — Địa danh, ranh giới hành chính theo tài liệu năm 1991
3 — Đường số theo 1:500.000 giao thông năm 1988
Chú ý: Độ cao chưa được kiểm tra ở thực địa

ĐỘ LỆCH TỬ ĐO NĂM 1970



GÓC ĐỘ	LỖI GÁC
0°11'	0-03
0°23'	0-09
0°44'	0-12
0°55'	0-10
0°44'	0-12
1°19'	0-22



MŨI 48

1:50.000

1cm bằng 500m thực địa

Khả năng đo đường bình độ cơ bản là 20m, đường bình độ phụ là 10m

E-LIP QUẢ ĐẤT Ế-VƠ-RÊ, CHIẾU HÌNH U.T.M, MŨI 48

GỐC ĐẠI ĐỊA AN BỐ 1960. GỐC ĐỘ CAO HẠ TIỀN

CHÚ Ý: Các mốc đo ngoài khung vẽ sẽ tọa độ xanh là lưới ô vuông mũi 49

THƯỚC ĐỘ ĐỐC

Đề đo khoảng cao đầu 20m

Đề đo khoảng cao đầu 100m

Đề đo khoảng cao đầu 20m

Đề đo khoảng cao đầu 100m

Đề đo khoảng cao đầu 20m

Đề đo khoảng cao đầu 100m

DẏNG ĐẤT

Đất rừng

Đất rừng

Đất rừng

Đất rừng

Đất rừng

Đất rừng

ĐỊA GIỚI

Đất rừng

Đất rừng

Đất rừng

Đất rừng

Đất rừng

Đất rừng

BẢNG CHẤP

Đất rừng

Đất rừng

Đất rừng

Đất rừng

Đất rừng

Đất rừng